

Số: 207/QĐ-CĐCD

Hậu Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đánh giá điểm rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy

Căn cứ Quyết định số: 4128/QĐ-BGD&ĐT, ngày 01/08/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu giang;

Căn cứ Quyết định số: 70/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc học bổng khuyến khích học nghề cho học sinh, sinh viên học nghề tại các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số: 17/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 30/6/2017 về việc ban hành Quy chế công tác Học sinh sinh viên trong trường Trung cấp, trường Cao đẳng.

Căn cứ Quyết định số: 386/2017/QĐ-CĐCD, ngày 04/12/2017 về ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện áp dụng cho học sinh, sinh viên hệ chính quy.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ năm học 2018 - 2019 và thay thế Quyết định số: 75/QĐ-CĐCD, ngày 25/4/2007 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang.

Điều 3. Trưởng các phòng, khoa chức năng trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang; các bộ phận có liên quan và học sinh, sinh viên của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, CTCT-HSSV./.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ThS.Trần Thị Thu Thủy

QUY CHẾ
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HSSV HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐCD, /4/2018 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang về việc ban hành Quy chế đánh giá điểm rèn luyện HSSV hệ chính quy)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này được quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên hệ chính quy bao gồm: nội dung đánh giá, căn cứ đánh giá, thang điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

Quy chế này áp dụng đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

Điều 2: Nội dung tiêu chí và thang điểm đánh giá

Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên là đánh giá về ý thức, thái độ và kết quả học tập của học sinh, sinh viên. Điểm đánh giá tính theo thang điểm **100**. Cụ thể có **04** nội dung tiêu chí đánh giá và khung điểm như sau:

1. Ý thức, thái độ và kết quả học tập: Tối đa 30 điểm

- Ý thức và thái độ trong học tập;
- Ý thức và thái độ tham gia các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- Kết quả học tập;

2. Ý thức chấp hành pháp luật; nội quy, quy chế của nhà trường: Tối đa 25 điểm

- Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân, các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong Nhà trường;
- Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế; các quy định khác của Nhà trường.

3. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội: Tối đa 25 điểm

- Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. Học sinh, sinh viên là người khuyết tật, được đánh giá ý thức tham gia các hoạt động tùy theo tình trạng sức khỏe phù hợp, đảm bảo sự công bằng trong từng trường hợp cụ thể;
- Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
- Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

4. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng: Tối đa 20 điểm

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín, kỹ năng tổ chức và hiệu quả công việc của học sinh, sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác của HSSV trong Nhà trường;

b) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của Lớp, Khoa và Nhà trường;

c) Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng (bằng khen, giấy khen...).

Chương II

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 3: Đánh giá về ý thức, thái độ và kết quả học tập (khung điểm đánh giá từ 0 đến 30 điểm)

1. Đánh giá về kết quả học tập học sinh, sinh viên: 10 điểm

Đánh giá về kết quả học tập			
SINH VIÊN		HỌC SINH	
Xếp loại	Điểm cộng	Xếp loại	Điểm cộng
Xuất sắc	10	Xuất sắc	10
Giỏi	8	Giỏi	8
Khá	7	Khá	7
		TB – Khá	6
Trung bình	5	Trung bình	5

2. Ý thức học tập, thực hiện quy chế thi, kiểm tra: 20 điểm

- Đi học chuyên cần, đúng giờ, không trễ, không bỏ học, không bỏ tiết, nghiêm túc trong giờ học; đủ điều kiện dự thi tất cả các học phần: **7 điểm**

- Có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ, tích cực xây dựng bài, học tập nhóm, thảo luận nhóm, phát biểu: **2 điểm**

- Không có học phần phải thi lại: **2 điểm**

- Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra: **5 điểm**

- Có tham gia các hoạt động ngoại khóa hoặc nghiên cứu khoa học: **2 điểm**

- Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập được tập thể lớp công nhận: **2 điểm**

Tổng số điểm không được quá 30 điểm.

Điều 4: Đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường (khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)

- Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước quy định tại địa phương, nơi cư trú: **5 điểm**

- Không vi phạm các nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường: **5 điểm**

- Kính trọng và lễ phép với thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên, người lao động trong Nhà trường, không được vô lễ dưới bất kỳ hình thức nào: **2 điểm**

- Thực hiện nếp sống văn hoá trong giao tiếp, đoàn kết trong lớp giúp nhau cùng tiến bộ, không nói tục chửi thề, không gây gổ đánh nhau: **3 điểm**

- Có ý thức bảo vệ tài sản, trang bị dạy học, tiết kiệm điện nước. Bảo vệ môi trường và giữ vệ sinh chung: **2 điểm**

- Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi học tập nội quy, quy chế, các buổi sinh hoạt lớp: **3 điểm**

- Đóng học phí đầy đủ và đúng hạn: **2 điểm**

- Tham gia đầy đủ, đạt yêu cầu và hoàn thành "Tuần lễ sinh hoạt công dân – Học sinh sinh viên": **3 điểm**

+ "Tuần sinh hoạt công dân – HSSV" đánh giá chung cho cả hai học kỳ trong năm học: **Vắng 01** buổi không có phép bị trừ: **2 điểm**; Tham gia nhưng kết quả không đạt thì phải bị trừ: **5 điểm**. (Trừ những trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng).

+ Vi phạm nội quy, quy chế, quy định của nhà trường; nơi cư trú, của địa phương và các quy định khác bị lập biên bản: **-5 điểm/lần**

+ Đóng học phí chậm phải nhắc nhở lần thứ **02**: **- 2 điểm/lần**

+ Vi phạm mặc đồng phục theo quy định hoặc không đeo thẻ sinh viên: **-2 điểm/lần**

+ **Vắng mặt** trong các buổi sinh hoạt lớp: **Vắng 01** lần: **- 3 điểm**

+ **Vô phép, vô lễ** với CB, GV, CNV, NLD: **Phát hiện 01** lần: **- 5 điểm**

+ **Nói tục, chửi thề, thiếu văn hoá** trong giao tiếp, làm mất đoàn kết trong lớp, kiểm chuyện gây gỗ đánh nhau: **Phát hiện 01** lần: **- 5 điểm**

+ **Vẽ bậy lên bảng/bàn/ghế; cố ý phá tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy – học; mất vệ sinh, đem thức ăn, đồ uống vào lớp không bỏ đúng nơi qui định**: **Phát hiện 01** lần: **- 5 điểm**

Tổng số điểm không được quá 25 điểm.

Điều 5: Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội (khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)

- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, đúng giờ, đúng địa điểm, đúng thành phần tất cả các hoạt động của Đoàn, Hội, của trường nội dung về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do nhà trường tổ chức, điều động: **13 điểm** (Tham gia có vũ, hỗ trợ ở bước chuẩn bị, đóng góp cho hoạt động được **6 điểm**)

- Tham gia các hoạt động khác: **2 điểm/1 hoạt động**

- Là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động VHVN, TDTT,...: **5 điểm**.

+ Tham gia trực tiếp cấp Lớp, Khoa: **2 điểm**

+ Tham gia trực tiếp cấp Trường và tương đương: **5 điểm**

+ Tham gia trực tiếp cấp Tỉnh/Thành phố và tương đương: **10 điểm**

- Thực hiện tốt pháp luật về phòng chống ma túy, tội phạm, tệ nạn XH: **2 điểm**

- Tham gia công tình thanh niên tình nguyện, đền ơn đáp nghĩa, hành quân về nguồn, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại trường hoặc địa phương: **3 điểm**

- **Điểm thưởng:**

+ **Hiên máu nhân đạo**: **5 điểm**

+ Tham gia các hoạt động đạt thành tích tốt và được tuyên dương khen thưởng:

. Cấp Khoa và tương đương: **5 điểm** (Tập thể **5 điểm**; Cá nhân **3 điểm**)

. Cấp Trường và tương đương: **10 điểm** (Tập thể **10 điểm**; Cá nhân **5 điểm**)

. Cấp Tỉnh và tương đương: **20 điểm** (Tập thể **20 điểm**; Cá nhân **10 điểm**)

+ Có thông báo triệu tập, điều động, hoặc có đăng ký mà vắng không có lý do: **01** hoạt động: **- 5 điểm** (trừ đến khi nào hết điểm chuẩn).

+ Tham dự các hoạt động VHVN, TDTT, lễ,...chưa hết giờ bỏ về: **- 5 điểm/lần**

+ **Che dấu, không tố giác người vi phạm các tệ nạn xã hội**: **- 3 điểm**

+ Trong quá trình tham gia các hoạt động có dấu hiệu vi phạm mà bị lập biên bản: **-5 điểm/lần**

Tổng số điểm không được quá 25 điểm.

Điều 6: Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, tổ chức khác Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng (khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm)

- Có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường: **4 điểm**

- Tham gia Ban Cán sự lớp, BCH Đoàn TN, Hội SV, Hội CTĐ, Chủ nhiệm các CLB và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: **10 điểm**

+ Tổ trưởng, Tổ phó, Thủ quỹ và tương đương: **4 điểm**

(Hoàn thành Tốt: **4 điểm**; Khá: **2 điểm**)

+ Lớp phó, Phó Bí thư Chi đoàn, UVBCH Chi đoàn, Chủ nhiệm CLB: **6 điểm**

(Hoàn thành Tốt: **6 điểm**; Khá: **4 điểm**; Trung bình: **2 điểm**)

+ Lớp trưởng, Bí thư Chi đoàn lớp, BCH Đoàn Khoa, UVBCH Đoàn Trường, Ủy viên BTK Hội sinh viên: **10 điểm**

(Hoàn thành Tốt: **10 điểm**; Khá: **6 điểm**; Trung bình: **4 điểm**)

- Đạt thành tích tốt trong công tác Đoàn, Hội, và các hoạt động khác: **6 điểm**

+ Giấy khen cấp Khoa và tương đương: **2 điểm**

+ Giấy khen cấp Trường và tương đương: **6 điểm**

+ Giấy khen, bằng khen cấp Tỉnh và tương đương: **10 điểm**

- **Điểm thưởng cho học sinh sinh viên NCKH hoặc các cuộc thi tương đương khác (lấy thành tích cá nhân ở cấp cao nhất)**

+ Cấp Khoa và tương đương: **2 điểm**

+ Cấp Trường và tương đương: **6 điểm**

+ Cấp Thành phố và tương đương: **10 điểm**

+ Đối tượng Đảng, đảng viên (là học sinh sinh viên): **4 điểm**

Tổng số điểm không được quá 20 điểm.

Chương III

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HSSV

Học sinh, sinh viên tự đánh giá kết quả rèn luyện từng học kỳ trong năm học theo mức điểm chi tiết do Nhà trường quy định (theo mẫu). Quy trình họp xét, đánh giá kết quả rèn luyện theo **3 cấp** như sau:

Điều 7: Họp Hội đồng ở Lớp:

1. Thành phần cuộc họp lớp bao gồm:

- Cố vấn học tập/Giáo viên chủ nhiệm: Chủ tọa

- Ban Cán sự: Lớp trưởng, các Lớp phó: Thành viên

- Bí thư, Phó Bí thư Chi đoàn: Thành viên

2. Quy trình thực hiện:

- Chủ tọa phân công Thư ký ghi biên bản; thông qua quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí; hướng dẫn, gợi ý thảo luận, giải trình, kết luận cuộc họp.

- Thông qua danh sách từng học sinh sinh viên, lấy ý kiến của tập thể, biểu quyết kết quả từng người/từng nhóm.

- Đọc lại kết quả, biên bản trước tập thể và xin ý kiến biểu quyết thống nhất.

- Sau cuộc họp tiến hành hoàn chỉnh hồ sơ, biên bản, danh sách và có ký xác nhận của CVHT/GVCN, đại diện BCS lớp, BCH Chi đoàn và Thư ký.

- Tổng hợp đầy đủ hồ sơ, biên bản, kết quả gửi về Khoa mình phụ trách.

Điều 8: Hợp Hội đồng cấp Khoa:

1. Thành phần cuộc họp cấp Khoa bao gồm:

- Lãnh đạo Khoa: Chủ tọa

- Lãnh đạo, Chuyên viên Phòng CTCT – HSSV: Thành viên

- Lãnh đạo Đoàn Trường, Đoàn Khoa: Thành viên

- Cố vấn học tập/GVCN: Thành viên

2. Quy trình thực hiện:

- Chủ tọa phân công Thư ký ghi biên bản; thông qua quy trình, tiêu chuẩn, hướng dẫn, gợi ý thảo luận, giải trình, kết luận cuộc họp.

- Thông qua biên bản, kết quả, danh sách HSSV từng lớp.

- Đọc lại kết quả, biên bản trước tập thể và xin ý kiến biểu quyết thống nhất.

- Sau cuộc họp tiến hành hoàn chỉnh hồ sơ, biên bản, danh sách và có ký xác nhận của lãnh đạo Khoa, Phòng CTCT – HSSV, Đoàn Trường và Thư ký.

- Tổng hợp đầy đủ hồ sơ, biên bản, kết quả gửi về Phòng CTCT – HSSV.

Điều 9: Hợp Hội đồng cấp Trường:

1. Thành phần cuộc họp cấp Trường bao gồm:

- Ban Giám hiệu: Chủ tọa

- Đại diện lãnh đạo: Các Khoa, Phòng CTCT – HSSV, Phòng Đào tạo – NCKH – HTQT; Phòng KT – KĐCL; Đoàn Trường: Thành viên

- Chuyên viên Phòng CTCT – HSSV: Thành viên thư ký.

2. Quy trình thực hiện:

- Chủ tọa phân công Thư ký ghi biên bản; thông qua quy trình, tiêu chuẩn, hướng dẫn, gợi ý thảo luận, giải trình, kết luận cuộc họp.

- Phòng CTCT – HSSV: Là đơn vị thường trực tổng hợp hồ sơ, danh sách, biên bản, báo cáo kết quả họp xét cấp Khoa, giải trình, xin ý kiến của Chủ tọa.

- Đọc lại kết quả, biên bản trước tập thể và xin ý kiến biểu quyết thống nhất.

- Sau cuộc họp tiến hành hoàn chỉnh hồ sơ, biên bản và có ký duyệt của Ban Giám hiệu, Phòng CTCT – HSSV và Thư ký.

- Công bố kết quả xét điểm rèn luyện cho học sinh sinh viên biết và phản hồi. Nếu không có phản hồi Phòng CTCT – HSSV trình cho Ban Giám hiệu ký ban hành.

- Nộp toàn bộ hồ sơ, biên bản, danh sách, kết quả theo từng học kỳ về cho Phòng Công tác chính trị - HSSV;

- Bảng điểm đánh giá tổng hợp lớp theo mẫu (bảng in đánh máy bằng văn bản sử dụng phần mềm Excel – font Time New Roman). HSSV tìm mẫu tổng hợp trên trang web của nhà trường, tại mục thông báo của Phòng CTCT - HSSV.

Chương IV

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ, THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN

Điều 10: Quy định phân loại kết quả rèn luyện

- Kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên được phân thành 05 loại: Xuất sắc, Tốt, Khá, Trung bình, Yếu. Cụ thể:

a) Loại Xuất sắc: **Từ 90 đến 100 điểm;**

- b) Loại Tốt: **Từ 80 đến dưới 90 điểm;**
- c) Loại Khá: **Từ 70 đến dưới 80 điểm;**
- d) Loại Trung bình: **Từ 50 đến dưới 70 điểm;**
- đ) Loại Yếu: **Dưới 50 điểm.**

- Trong học kỳ xét điểm rèn luyện học sinh, sinh viên bị kỷ luật hình thức **khiểm trách** thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại **Khá**, bị kỷ luật từ hình thức **cảnh cáo** trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại **Trung bình**.

Điều 11 : Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học như sau:

- **Học kỳ 1:** Hoàn thành trước ngày **25/01** hằng năm
- **Học kỳ 2:** Hoàn thành trước ngày **25/7** hằng năm

2. Điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên là tổng điểm đạt được của **4 nội dung** trong bảng đánh giá chi tiết của Trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ trong năm học đó. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của các năm học.

4. Học sinh, sinh viên có thời gian nghỉ học tạm thời, khi tiếp tục theo học thì không thực hiện đánh giá trong thời gian nghỉ học.

Điều 12 : Sử dụng kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh, sinh viên

1. Kết quả phân loại rèn luyện toàn khóa học của học sinh, sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên tại trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện khi kết thúc khóa học.

2. Học sinh sinh viên có kết quả rèn luyện **Xuất sắc** được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

3. Học sinh sinh viên có tinh thần vượt khó, vươn lên học tập **Tốt** được nhà trường xem xét cộng điểm thưởng như sau:

- **Loại Xuất sắc:** Được ưu tiên + **10 điểm/học kỳ**
- **Loại Giỏi:** Được ưu tiên + **5 điểm/học kỳ**

4. Học sinh, sinh viên bị xếp loại rèn luyện **Kém** trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ 2 thì sẽ bị buộc thôi học.

5. Kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên được sử dụng trong việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi HSSV.

Điều 13: Quyền khiếu nại của học sinh sinh viên về kết quả đánh giá rèn luyện

1. Học sinh, sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

2. Trình tự khiếu nại, giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo./.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG